

BA QUAN ĐIỂM CƠ BẢN PHÁT TRIỂN NGÀNH NUÔI CÁ TRA VIỆT NAM THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

TS. Hoàng Mạnh Dũng¹

TÓM TẮT

Phát triển ngành nghề cá tra góp phần khẳng định lợi thế cạnh tranh của Việt Nam trong thương mại quốc tế. Những bài học kinh nghiệm từ sự kiện cá tra Việt Nam đã hình thành phương thức tư duy và hành động mới của chúng ta trước những yêu cầu khắt khe của người tiêu dùng cũng như đáp ứng với sự cạnh tranh đa dạng của từng thị trường mục tiêu. Với kinh nghiệm sau 04 năm hội nhập càng tạo ra sự tự tin cho người nuôi trồng, các doanh nghiệp, các cơ quan hữu trách trong quá trình tạo và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trong hội nhập quốc tế. Vượt qua những gian nan này sẽ minh chứng sự thành công trong đổi mới mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh công nghiệp hóa; phát triển nhanh và bền vững đã được đề ra trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 – 2020.

ABSTRACT

The development of catfish industry contributes significantly to Vietnam's competitiveness in the international trade. The lessons learned from Vietnam's catfish scandal have formed our new ways of thinking and actions to meet strict requirements of customers as well as the diversified competitiveness of each target market. With 4-year experience since the integration into the global economy, aquaculture farmers, businesses, authorities have been more and more confident in the process of producing and marketing agricultural products. Overcoming such challenges will demonstrate the success in innovation for growth model, industrialization promotion, rapid and sustainable development as outlined in the Vietnam's strategy for Socio-Economic development in the period of 2011-2020.

Giới thiệu

Từ 1980 đến 2010, ngành thủy sản Việt Nam đã có nhiều cố gắng phát triển hạ tầng kỹ thuật trong đánh bắt, nuôi trồng, chế biến. Sản lượng nuôi trồng thủy sản của Việt Nam được xếp hàng thứ 3 trên thế giới. Năm 2010, kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt hơn 4,9 tỉ USD, tăng 17% so với năm 2009. Trong bối cảnh thế giới đang hình thành một lớp người tiêu dùng mới; họ luôn đặt ra những yêu cầu mang tính cơ bản, thực chất và ít khoan nhượng đối với các nhà sản xuất – kinh doanh. Chính phủ, các tổ chức phi chính phủ lẫn các doanh nghiệp tại chỗ luôn đặt ra những điều luật, tiêu chuẩn, thuế suất,... nhằm ngăn chặn những sản phẩm thủy sản không đảm bảo an toàn thực phẩm và nguồn gốc không rõ

ràng. Sự phát triển của ngành thủy sản trong đó có ngành nuôi cá tra Việt Nam phải cùng tồn tại với những yêu cầu khắt khe trong thương mại thế giới. Tình hình trên đã đặt cá tra Việt Nam trước nhiều khó khăn trong quá khứ, hiện tại lẫn tương lai.

1. Lợi thế cạnh tranh của Việt Nam từ cá tra đang hình thành vững chắc trong thương mại quốc tế

Hiện nay, Việt Nam đang cung cấp hơn 95% nguồn cá tra thương phẩm cho thị trường thế giới, với sản lượng 1,5 triệu tấn/năm. Cá tra Việt Nam có chất lượng dinh dưỡng cao, giá cả hợp lý. Thị trường cá tra Việt Nam hiện đã vươn đến hơn 130 nước. Để thu hút được 1kg cá hồi, cá song, cá chẽm...; người nuôi trồng phải sử dụng tới 4-8kg cá biển, thậm chí cá ngừ còn sử dụng lên tới 30kg.

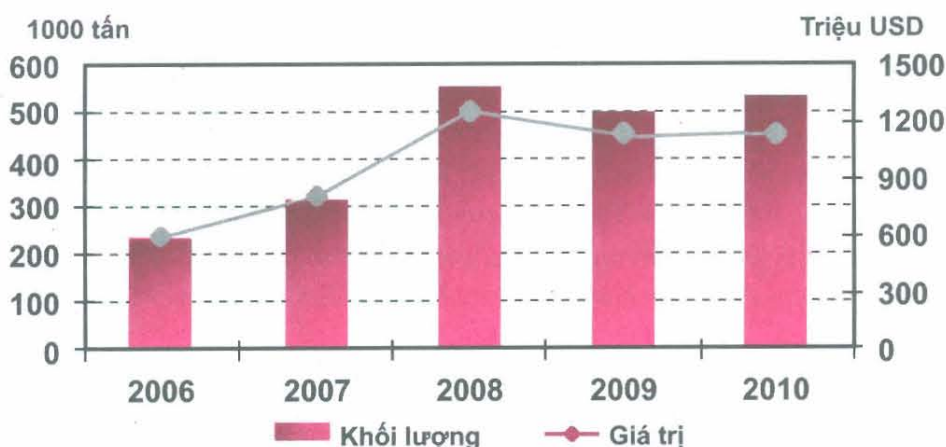
¹ Trưởng Phòng Hành chính – Quản trị, trường Đại học Mở Tp.HCM.

Trong khi đó, cá tra sử dụng ít đạm động vật và chủ yếu từ các nguồn đạm thực vật. Loại thức ăn cho cá tra Việt Nam được tận dụng từ các loại phụ phẩm nông nghiệp như cám, bã đậu nành, khô dầu... Cá tra Việt Nam khiến các người nuôi cá ao dọc theo con sông Mississippi điêu đứng vì sản phẩm ngon và giá cả rẻ hơn. Ưu thế của nghề nuôi cá tra tại Việt Nam được thể hiện thông qua hệ thống nuôi đạt năng suất từ 300 đến 400 tấn cá/ha. Với diện tích ao nuôi 5.400 ha nhưng sản phẩm lại chiếm 65% tổng sản phẩm nuôi trồng ở châu Âu (<http://www.chebien.gov.vn>). Qua đó tạo ra nhiều công ăn việc làm cho các vùng

nông thôn nhất là tại Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL). Các ao nuôi cá được tiến hành thuận lợi từ khai thác nguồn nước sông Cửu Long có quanh năm. Sản phẩm cá tra Việt Nam đã thay thế tốt “cá trắng” do phù hợp với khẩu vị của người phương Tây. Tính đến 10/12/2010, tổng sản lượng giống sản xuất cá tra cả nước đạt 2,359 tỷ con. Sản lượng cá thu hoạch đạt 1.140.390 tấn. Giá trị xuất khẩu đạt 538,2 nghìn tấn, đạt giá trị 1,15 tỷ USD. Theo Eisenhardt & Martin, cá tra đã hội đủ các tiêu chí để trở thành một lợi thế cạnh tranh của Việt Nam trong thương mại quốc tế.

Hình 1: Biểu đồ xuất khẩu cá tra từ 2006 đến 10 tháng đầu năm 2010

XK cá tra, basa 10 tháng đầu năm, 2006-2010



Nguồn: Lan Hương, <http://dantri.com.vn>

2. Những nhược điểm dẫn đến ngành nuôi cá tra Việt Nam bị phản ứng quyết liệt tại nhiều quốc gia trong năm 2010

Cá tra Việt Nam đã khẳng định được vị trí đối với người tiêu dùng trên thế giới. Từ đó cũng bắt đầu xuất hiện những phản ứng quyết liệt khi đụng chạm đến quyền lợi, công ăn việc làm tại các nước nhập khẩu. Họ viện dẫn nhiều lý do và liên tục áp đặt những chuẩn mực nhằm ngăn chặn sự phát triển của cá tra Việt Nam trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Các nhược điểm dẫn đến ngành nuôi cá tra Việt Nam bị phản ứng quyết liệt tại nhiều quốc gia trong năm 2010 được nhận dạng như sau:

2.1. Nuôi trồng tự phát là xuất phát điểm yếu nhất trong sản xuất – kinh doanh cá tra Việt Nam

Phát triển nuôi cá tra ban đầu tại Việt Nam gần như tận dụng lợi thế tự nhiên sẵn có. Giống cá bột ngoài tự nhiên vốn rất phong phú và được nuôi bằng kỹ thuật lồng bè. Vùng nuôi cá tra được phát triển rộng khắp từ thượng nguồn sông Tiền và sông Hậu đến các vùng hạ lưu. Với ưu thế tạm thời trước mắt ấy, nghề nuôi cá tra đã phát triển một cách tự phát và đạt được những kết quả nhất định. Quá trình nuôi cá tra được tiến hành theo kinh nghiệm dân gian lâu đời, lấy nước trực tiếp từ các sông không hề qua xử lý đưa vào sản xuất và xả nước thải

vô tư ra các nguồn nước thuận tiện nhất. Ngành nuôi cá tra Việt Nam với đặc điểm nuôi trồng tự phát; lao động giá rẻ; dựa vào nguồn nước tự nhiên; không tốn chi phí xử lý môi trường cũng như nhiều chi phí khác. Hậu quả của quá trình canh tác này dẫn đến các bè nuôi cá tra chết hàng loạt. Nghề nuôi cá bè phá sản, người nuôi cá bỏ hoang phế các bè lồng. Khi chuyển sang nuôi cá ao lại sử dụng nguồn nước cung cấp ngoài tự nhiên không đảm bảo yêu cầu kiểm soát CPCC (Control Points and Compliance Criteria) đối với trang trại thủy sản (Aquaculture Base – AB). Ngoài ra, do tác động từ tập quán sinh hoạt của người dân ở dọc theo các dòng sông lẫn sự phát triển các ngành công nghiệp khác đã góp phần làm ô nhiễm nguồn nước. Những điều kiện thuận lợi ban đầu đã biến thành yếu tố bất lợi đối với cá tra Việt Nam trên thương trường quốc tế. Lợi dụng nhược điểm này, nhiều quốc gia đã quyết liệt tấn công cá tra Việt Nam.

Cụ thể tại Hoa Kỳ, doanh thu của ngành cá da trơn đạt 4 tỷ USD/năm. Năm 2003, cá da trơn nhập khẩu chiếm khoảng 3% doanh số của họ. Đến năm 2009 đã tăng lên 57%. Người nuôi cá da trơn tại bang Alabama phản ứng bằng cách mong muốn Chính phủ Hoa Kỳ phải có những hành động tích cực để giải quyết tình trạng mất dần thị phần ngay trên đất họ. Tháng 10/2010, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) đã xem xét chống bán phá giá cá tra xuất khẩu vào Hoa Kỳ lần thứ 6. Những lần trước DOC chọn Bangladesh là nước có giá trị so sánh gần tương đồng với Việt Nam để xem xét. Lần này DOC áp đặt chọn Philippines để áp với mức thuế chống bán phá giá sơ bộ lên đến 130% với sản phẩm fillet cá tra đông lạnh xuất khẩu từ Việt Nam. Hậu quả là các nhà nhập khẩu Hoa Kỳ đã ngưng ký kết hợp đồng với doanh nghiệp Việt Nam. Theo Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) cho rằng: “Nhiều doanh nghiệp bị áp mức thuế phải đóng đến 4,22 USD/kg fillet là rất cao, trong khi thực

tế giá bán ở Hoa Kỳ thấp hơn giá chịu thuế rất nhiều. Điều này khiến các doanh nghiệp lỗ nặng và có nguy cơ mất thị trường Hoa Kỳ” (Nguồn: <http://www.bianfishco.com>).

Tại Brazil đã đưa cá tra Việt Nam vào “danh sách đặc biệt” và dự kiến áp dụng mức thuế 35% đối với cá tra nhập khẩu.

Tại Ukraine và Mexico đã cảnh báo cá tra, ba sa nhập khẩu từ Việt Nam do phát hiện một số lô hàng có nhiễm chất độc hại.

Tháng 12/2010, 06 nước Châu Âu gồm Đức, Áo, Thụy Sĩ, Bỉ, Na Uy và Đan Mạch tấn công vào cá tra Việt Nam. Lý do viện dẫn đưa cá tra Việt Nam vào danh sách đỏ là do các trại nuôi gây ô nhiễm môi trường tự nhiên với mức độ lo ngại ngày càng lớn. Thức ăn, hóa chất và thuốc trừ sâu thải trực tiếp ra sông và hồ khiến nguy cơ lây bệnh của cá tra sang các loài cá tự nhiên rất cao. Thêm vào đó, Cẩm nang hướng dẫn tiêu dùng thủy sản của WWF Đức đăng tải trên trang www.wwf.de cho biết: “Cá tra Việt Nam dù đạt chứng nhận GlobalGAP vẫn bị xếp vào danh sách vàng vì họ quá lo lắng cho loài cá này đang bị đánh bắt quá nhiều, gây tuyệt chủng và đang tác động nguy hại đến môi trường sống cũng như đa dạng sinh học”. Tác động tức thời là cá tra Việt Nam gần như bị “tẩy chay” tại thị trường Châu Âu. Quá trình diễn biến sự vụ đối màu cá tra Việt Nam cụ thể như sau:

- Ngày 01/12/2010, WWF (*World Wide Fund For Nature*) - Quỹ Quốc tế bảo tồn thiên nhiên là một trong những tổ chức phi chính phủ lớn nhất thế giới (với tên cũ là Quỹ Động vật hoang dã thế giới hoặc Quỹ Bảo vệ đời sống thiên nhiên thế giới) đã đưa tên cá tra Việt Nam vào “danh sách đỏ” trong Cẩm nang hướng dẫn tiêu dùng thủy sản tại 06 nước Châu Âu.
- Ngày 07/12/2010, VASEP mở cuộc họp báo phản đối quyết định của WWF.
- Ngày 08/12/2010, Tổng cục Thủy sản Việt Nam thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gặp gỡ với WWF

Việt Nam và tổ chức hợp báo yêu cầu WWF phải dỡ bỏ thông tin không đúng sự thật về cá tra Việt Nam.

- Ngày 09/12/2010, Tổng cục Thủy sản Việt Nam hợp báo để công bố nhận định và ý kiến nhận xét về Bản đánh giá cá tra Việt Nam.
- Ngày 14/12/2010, Đại diện WWF Quốc tế sang Việt Nam đối thoại trực tiếp với Tổng cục Thủy sản Việt Nam và VASEP về bản báo cáo đánh giá này.
- Ngày 17/12/2010, VASEP, Hội nghề cá Việt Nam, WWF Quốc tế, WWF Việt Nam đã ký kết Biên bản thỏa thuận hợp tác phát triển cá tra Việt Nam theo hướng bền vững và đưa cá tra Việt Nam ra khỏi “danh sách đỏ”.
- Ngày 26/01/2010, Bi và Thụy điển vấn đề tên cá tra trong danh sách đỏ thuộc cẩm nang hướng dẫn tiêu dùng thủy sản năm 2010-2011 trên trang web của WWF.
- Ngày 29/01/2010, Tham tán thương mại Việt Nam tại Thụy điển tiếp tục liên lạc về vấn đề rút tên cá tra Việt nam khỏi danh sách đỏ. Riêng WWF Bi là đơn vị áp chót rút tên cá tra Việt Nam khỏi danh sách đỏ.

Tác động này dẫn đến nông dân “treo ao” không dám đầu tư nuôi mới. Tháng 02/2011, giá cá tra xuất khẩu đã tăng lên mức trên 3 USD/kg. Giá cá tra nguyên liệu hiện đang tăng ở mức kỷ lục tăng từ 23.000-23.500 đồng/kg nhưng nguồn nguyên liệu cung ứng đã cạn kiệt. Sự kiện trên đã gây ra tổn thất lớn đối với hoạt động nuôi cá tra tại Việt Nam.

Nguyên nhân từ hoạt động nuôi trồng tự phát, thiếu thông tin về thị trường mục tiêu vừa gây ra lãng phí trong quá trình phát triển kinh tế vừa tạo ra hình ảnh bất lợi về thương hiệu sản phẩm cá tra Việt Nam trong thương mại quốc tế.

2.2. Chậm và/hoặc lơ là áp dụng các tiêu chuẩn về chất lượng đối với cá tra Việt Nam

Gia nhập WTO tiến tới một thị trường cạnh tranh bình đẳng trong thương mại quốc tế. Trên thực tế, những rào cản thương mại đã được thiết lập nhằm bảo hộ sản xuất trong nước. Một trong những vũ khí sử dụng có hiệu quả là đưa ra những chuẩn mực về chất lượng và quản lý chất lượng để gây bất lợi cho các quốc gia khác như yêu cầu về thiết lập hệ thống quản lý chất lượng, chất lượng sản phẩm, nhãn mác hàng hoá, bao bì đóng gói, phương pháp và quy trình sản xuất, kiểm dịch, xuất xứ hàng hoá,... Do vậy, nếu một tổ chức chậm và/hoặc lơ là trong quản lý chất lượng sẽ dễ dàng lâm vào cảnh “tiến thoái lưỡng nan”. Hiện nay đã có nhiều tiêu chuẩn của các hội, hiệp hội, các tổ chức ở Hoa Kỳ và châu Âu như SGS, SQF 1000CM, SQF 2000CM, GlobalGAP, BRC, đặc biệt sắp đến là sự ra đời ASC của WWF có liên quan đến nuôi trồng thủy sản (Nguồn: <http://www.baocongthuong.com.vn>).

Tại Hoa Kỳ, DOC xem xét các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra Việt nam dựa vào tiêu chuẩn về chất lượng khác nhau như xây dựng vùng nguyên liệu, nhà máy, công nghệ chế biến, chất lượng sản phẩm, phương pháp quản lý, chi phí giá thành. Doanh nghiệp phải đạt chất lượng lên hàng đầu. Các doanh nghiệp Việt Nam muốn được hưởng ưu đãi về thuế phải tuân thủ hệ thống các tiêu chuẩn từ nhà máy chế biến công nghệ, nhà máy phụ phẩm, nhà máy giá trị gia tăng, kho lạnh, xây dựng vùng nuôi cá tra GlobalGAP, nuôi sản xuất con giống nhân tạo, đảm bảo chất lượng từ nguồn giống sạch bệnh đến quy trình nuôi, áp dụng truy xuất nguồn gốc từ vùng nuôi đến bàn ăn, lập viện nghiên cứu thủy sản... Doanh nghiệp phải cung cấp đầy đủ bằng chứng về kết quả hoạt động ứng dụng khoa học vào sản xuất để tạo ra cá tra chất lượng cao, thành lập công ty ở Hoa Kỳ để làm ăn dài hạn và thực hiện nhiều chương trình xã hội từ thiện tại đây.

Tại Việt Nam, tiến trình áp dụng các tiêu chuẩn về cá tra đã và đang được Tổng cục Thủy sản Việt Nam triển khai trên phạm vi cả nước. Riêng tại tỉnh An Giang đã hình thành năm vùng nguyên liệu tập trung, ký kết hợp đồng sản xuất nuôi trồng thủy sản giữa người nuôi với năm doanh nghiệp là Agifish, Afifex, Asia Feed, Việt An và Ntaco. Các doanh nghiệp này đã áp dụng tiêu chuẩn SQF 1000CM, SQF 2000CM và GlobalGAP. Tổng diện tích nuôi là hơn 253 ha diện tích mặt nước; tương ứng sản lượng 155.700 tấn/năm; đáp ứng 50% cá tra đạt tiêu chuẩn xuất khẩu của tỉnh. Nhờ áp dụng các yêu cầu về kiểm soát chất lượng dẫn đến cá tra Việt Nam chiếm lĩnh thị trường thông qua các tiêu chuẩn nghiêm ngặt của EU, Australia, Hoa Kỳ, Nhật Bản... Từ năm 2004, cá tra Việt Nam đã được nuôi trong ao đáp ứng các tiêu chuẩn của SQF 1000CM do Hiệp hội Tiếp thị Thực phẩm (FMI) Hoa Kỳ. Đến năm 2010, VASEP mới theo đuổi chương trình GlobalGAP và đặt mục tiêu 4 - 5 năm tới sẽ thực hiện xong tiêu chuẩn này trong nuôi cá tra xuất khẩu.

Thiếu định hướng phát triển bền vững đối với ngành nuôi cá tra cùng với chậm áp dụng các tiêu chuẩn lẫn thiết lập hệ thống quản lý chất lượng là lý do cản trở lợi thế cạnh tranh của Việt Nam. Cơ sở khoa học chứng minh sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và truy xuất được nguồn gốc không thể hiện tính hệ thống nên dẫn đến sự phản kháng quyết liệt của nhiều quốc gia khác nhau. Do vậy, ngành nuôi cá tra Việt Nam sẽ tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn đặc biệt là các rào cản thương mại ngày càng khắc khe hơn.

2.3. Thụ động và thiếu sự phối hợp linh hoạt giữa các cơ quan hữu trách, doanh nghiệp và người nuôi khi tham gia xuất khẩu cá tra Việt Nam

Nhìn lại quá trình diễn ra sự đổi màu cá tra Việt Nam cho thấy các cơ quan hữu trách không phát hiện kịp thời những hoạt động âm thầm phản kháng từ các nước. Bộ

NN&PTNT, Tổng cục Thủy sản Việt Nam, VASEP, Hội nghề cá Việt Nam đều rơi vào thế bị động và đối phó. Cả hệ thống hoàn toàn bất ngờ khi WWF công bố đưa cá tra Việt Nam vào danh sách đỏ. Trong khi đó, chuyên gia đánh giá không trực tiếp đến Việt Nam mà chỉ dựa vào 1 bài báo và 1 báo cáo khoa học của Đại học Wageningen Hà Lan (năm 2009); thậm chí trước khi công bố kết quả cũng không gửi cho Việt Nam góp ý. (Nguồn: Lan Hương, <http://dantri.com.vn>). Đến nay, tôm và cá rô phi cũng gặp tình trạng tương tự như cá tra Việt Nam. Sự thụ động đó có trách nhiệm một phần từ các cơ quan hữu trách khi thực thi công việc được giao.

Mối quan hệ giữa người nuôi cá tra và các doanh nghiệp tham gia vào quá trình xuất khẩu không ngang bằng về lợi ích và phần thua thiệt luôn nghiêng về phía người nuôi. Lẽ ra, mối liên kết này phải hình thành được một lực lượng sản xuất có trình độ cao. Muốn vậy, các doanh nghiệp cần tiếp cận với người nuôi cá tra về mọi mặt chứ không đơn thuần chỉ thu mua sản phẩm. Các doanh nghiệp nên chủ động giới thiệu và phối hợp với người nuôi cá tra bằng cách đưa công nghệ mới đạt hiệu quả cao và phù hợp với quy định khắc khe mới. Trong tương lai, mối quan hệ này cần được cải thiện theo hướng cùng chia sẻ lợi ích cũng như cùng giải quyết những khó khăn trong xuất khẩu cá tra Việt Nam. Qua đó tránh tình trạng bỏ rơi người nuôi khi phải đối diện với những tác động bất lợi của thị trường tiêu thụ.

Sự phối hợp giữa các cơ quan hữu trách, doanh nghiệp và người nuôi cá tra Việt Nam chưa chặt chẽ. Các biện pháp quản lý nhà nước vẫn còn nhiều bất cập từ khâu quy hoạch nuôi, sản xuất giống đến chất lượng cá tra xuất khẩu; doanh nghiệp cạnh tranh không lành mạnh bằng cách giảm giá bán, hạ chất lượng; các chương trình quảng bá hình ảnh cá tra chưa tương xứng với doanh thu. Hậu quả là cá tra Việt Nam dễ bị tổn thương bởi nhiều thông tin thiếu minh bạch; thậm chí gây ra sự hiểu lầm về sản phẩm độc đáo của Việt Nam.

Từ những nhược điểm được phân tích trên; các cơ quan hữu trách, doanh nghiệp và người nuôi cần thống nhất những quan điểm cơ bản phát triển ngành nuôi cá tra Việt Nam theo hướng bền vững là hết sức cần thiết.

3. Ba quan điểm cơ bản phát triển ngành nuôi cá tra Việt Nam theo hướng bền vững

Theo dự báo của Ngân hàng thế giới, kinh tế thế giới năm 2011 sẽ tăng trưởng ở mức 3,3% và chuyển từ giai đoạn phục hồi sau khủng hoảng sang một giai đoạn tăng trưởng chậm nhưng bền vững hơn. Dự báo tăng trưởng kinh tế của các nước phát triển đạt khoảng 2,4% trong năm 2011 chủ yếu do tiếp tục có sự phục hồi của nhu cầu nội địa. Kinh tế các nước đang phát triển sẽ tăng trưởng khoảng 6% bắt nguồn từ sự tăng trưởng mạnh nhu cầu trong nước và sự phục hồi của dòng vốn đầu tư quốc tế, du lịch, thương mại và giá cả hàng hóa. (Nguồn: Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Tổng quan kinh tế thế giới 2010 và triển vọng 2011, Lê Quốc Hội - Đặng Trần Thường, Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội). Với dự báo nêu trên, ba quan điểm cơ bản phát triển ngành nuôi cá tra Việt Nam theo hướng bền vững như sau:

3.1. Sự can thiệp của Chính phủ đối với phát triển ngành nuôi cá tra Việt Nam theo hướng bền vững

Vai trò của Chính phủ giữ vị trí quan trọng khi quyết định công nhận cá tra là mặt hàng chiến lược quốc gia. Tổng cục Thủy sản Việt Nam là cơ quan chủ quản cần tham mưu với Bộ NN&PTNT, Thủ tướng Chính phủ định hướng phát triển ngành nuôi cá tra Việt Nam bao gồm quy hoạch, môi trường, con giống, thức ăn, thuốc; trọng tâm cần giải quyết là sắp xếp lại ngành nuôi và chế biến mặt hàng chiến lược này. Qua đó kiểm soát tốt từ sản xuất giống, nuôi trồng, chế biến, chất lượng sản phẩm đến xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm. Ngày 02/12/2010, tại Thành Phố Hồ Chí Minh,

Hội nghị đóng góp cho dự thảo Nghị định về quản lý sản xuất và tiêu thụ cá tra Việt Nam hướng đến phát triển bền vững tại thị trường toàn cầu là hết sức cần thiết. Chính phủ cần ban hành Nghị định về ngành nuôi cá tra, xây dựng quy phạm thực hành nuôi (GAP), các loại văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nhằm tránh những hoạt động nuôi trồng tự phát, manh mún; cạnh tranh không lành mạnh đối với mặt hàng chiến lược quốc gia đã được khẳng định.

Hình thành Hội nghề cá tra Việt Nam riêng biệt. Hội là cầu nối thiết thực giữa người nuôi với các bên có liên quan và thị trường. Đây là một tổ chức đại diện cho các bên thụ hưởng cũng như điều hoà lợi ích do ngành nuôi cá tra Việt Nam mang lại theo hướng phát triển bền vững. Hiện tại, người nuôi cá tra phải luôn tự mài mò và hành động thiếu nhất quán. Với tính chất đặc thù của vùng canh tác, đặc điểm cạnh tranh cùng với những yêu cầu khắc khe từ các nước nhập khẩu; sự ra đời của Hội nghề cá tra Việt Nam mới khả dĩ chủ động hoạch định, phản ứng kịp thời trong thương mại. Hội nghề cá tra Việt Nam cần tăng cường công tác thông tin; xây dựng - tuyên truyền về các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy định, các đạo luật; xúc tiến quảng bá thương hiệu,... nhằm đảm bảo sự phát triển ngành nghề này với trình độ công nghệ cao.

Tóm lại, sự can thiệp của Chính phủ đối với mặt hàng chiến lược quốc gia theo hướng bền vững là hoàn toàn phù hợp với năm quan điểm phát triển đã được đề ra trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 – 2020 và phương hướng, nhiệm vụ đất nước 5 năm 2011 – 2015.

3.2. Cạnh tranh về chất lượng là bài toán động và buộc tuân theo những tiêu chuẩn từ các nước nhập khẩu

Ngày 17/12/2010, WWF và Hội Nghề cá Việt Nam đã ký biên bản ghi nhớ về sự hợp tác, phát triển ngành nuôi cá tra theo

hướng bền vững. WWF đã đề nghị Việt Nam áp dụng bộ tiêu chuẩn ASC (nuôi thủy sản nước ngọt không ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên). Mục tiêu đặt ra trong hai năm 2011 - 2012, Việt Nam phấn đấu có 25% lượng cá tra xuất khẩu đạt bất cứ một tiêu chuẩn quốc tế về phát triển ngành nuôi cá tra theo hướng bền vững, trong đó có 10% được chứng nhận ASC. Đến năm 2014 sẽ đạt 75% lượng cá tra xuất khẩu đạt bất cứ một tiêu chuẩn quốc tế về phát triển ngành nuôi cá tra theo hướng bền vững, trong đó có 30% được chứng nhận ASC. Đến 2015, 100% cá tra xuất khẩu của Việt Nam sẽ đạt tiêu chuẩn quốc tế về phát triển ngành nuôi cá tra theo hướng bền vững, trong đó có 50% được chứng nhận ASC (Nguồn: Báo SGGP, thứ bảy - ngày 18/12/2010). Để thực hiện được các yêu cầu cạnh tranh về chất lượng đòi hỏi mất nhiều thời gian, công sức lẫn tài chính. Đây là cam kết bắt buộc áp dụng nếu muốn xuất khẩu cá tra trên thị trường quốc tế. Nhiều lập luận sai khi cho rằng các cơ quan hữu trách bị o ép khi ký biên bản ghi nhớ này. Ngược lại, đây là bài học đáng giá và hình thành tư duy trong thế giới hội nhập. “Hãy bán những gì khách hàng cần” là phương châm đối với xuất khẩu cá tra Việt Nam. Nếu không chấp nhận cạnh tranh về chất lượng dẫn đến cá tra Việt Nam sẽ biến mất kể cả thị trường trong nước. Những kết quả đạt được về lĩnh vực quản lý chất lượng đối với cá tra Việt Nam từ năm 2004 đến nay hoàn toàn không mất đi. Nếu các tổ chức lẫn người nuôi đã chứng nhận được GlobalGap, SQF 1000CM, SQF 2000CM sẽ dễ dàng xây dựng ASC.

Ngoài ra, Việt Nam cũng chuẩn bị đối phó với đạo luật Farm Bill của Hoa Kỳ. Đạo luật này đang được soạn thảo với quy định muốn nhập khẩu cá tra vào Hoa Kỳ phải áp dụng tiêu chuẩn như nuôi cá da trơn tại vùng Đông Bắc. Như vậy, cá tra Việt Nam phải được nuôi trong các ao, hồ nước nông và nước giếng khoan. Tiến sĩ Flavio Corsin (Điều phối viên chương trình đối thoại của WWF) cho biết:

“Nhu cầu đối với cá tra trên các thị trường là rất lớn nhưng họ chỉ chấp nhận những sản phẩm thân thiện với môi trường”.

Gần đây, nhiều thông tin nhiễu về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng đối với sản phẩm nông nghiệp trên các phương tiện đại chúng. Họ cho rằng áp dụng VietGAP hoặc GlobalGAP đã làm thiệt hại đến người nông dân rất nhiều. Giá thành cao do sản phẩm được chứng nhận GlobalGAP nhưng vẫn không tiêu thụ được. Thậm chí có ý kiến không ủng hộ chủ trương đảm bảo an toàn thực phẩm từ nông trại đến bàn ăn. Các cơ quan hữu trách và Hội nghề cá tra Việt Nam cần hướng dẫn giải tỏa dư luận trên. Khi đó, những tác động bất lợi này sẽ không ảnh hưởng đến ngành nuôi cá tra Việt Nam phát triển bền vững. Kinh nghiệm áp dụng GlobalGAP đối với sản phẩm Thanh long Bình Thuận là một minh chứng để thay đổi tư duy trong nuôi trồng, chế biến, tiêu thụ các mặt hàng chiến lược quốc gia.

Trước mắt, các cơ quan hữu trách cần tuyên truyền rộng rãi về Bộ tiêu chuẩn GlobalGAP. Đây là một bộ tiêu chuẩn được xây dựng để áp dụng tự nguyện cho sản xuất nông nghiệp bao gồm trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản trên toàn cầu. Bộ tiêu chuẩn GlobalGAP được xây dựng bởi một hiệp hội bình đẳng của các nhà sản xuất, các nhà bán lẻ, các tổ chức dịch vụ, các nhà cung cấp sản phẩm nông nghiệp, các tổ chức chứng nhận, các công ty tư vấn, các nhà sản xuất phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, các trường đại học... và các hiệp hội khác. Cần quán triệt đến người nuôi cá tra Việt Nam về lợi ích của GlobalGAP nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế; đảm bảo vệ sinh an toàn cho nông sản thực phẩm; hạ giá thành và nâng cao chất lượng nông sản; sử dụng hiệu quả và bền vững nguồn lực sản xuất nông nghiệp; làm giàu nông dân và phát triển nông thôn; bảo vệ môi trường và cảnh quan chung. Đến nay, GlobalGAP có sự tham gia của hơn 100 tổ chức chứng nhận từ khoảng 80 quốc gia khác nhau.

(Nguồn: *Nguyễn Thị Minh Lý, QUACERT, <http://www.vietgap.vn>*). GlobalGAP là một trong những tiêu chuẩn cần được áp dụng đối với sự phát triển ngành nuôi cá tra Việt Nam theo hướng bền vững.

Về lâu dài, các cơ quan hữu trách và người nuôi cá tra Việt Nam cần hợp lực để thực hiện tốt biên bản ghi nhớ về sự hợp tác, phát triển ngành nuôi cá tra theo hướng bền vững; chuyển đổi từ GlobalGAP sang áp dụng bộ tiêu chuẩn ASC và thực hiện thành công mục tiêu chứng nhận ASC đến năm 2015. Với kinh nghiệm tích lũy về quản lý chất lượng cùng với các giải pháp nêu trên; ngành nghề cá tra Việt Nam sẽ buộc thay đổi tư duy khi muốn tiêu thụ sản phẩm trong cũng như ngoài nước.

Cạnh tranh về chất lượng đối với cá tra Việt Nam là con đường duy nhất nhằm khẳng định lợi thế mà chỉ có sản phẩm này mang lại. Hơn nữa, bài toán giữa chất lượng và sản lượng đối với ngành nuôi cá tra Việt Nam luôn đặt ra và phải được giải quyết trên cơ sở công khai, minh bạch trong thương mại. Tương lai luôn biến động nên rất cần thực thi một lộ trình phù hợp với thông lệ quốc tế. Từ đó loại trừ vĩnh viễn các hình thức nuôi trồng tự phát đã tồn tại trong tư duy và hành động của chúng ta trong suốt thời gian qua.

3.3. Đa dạng hóa sản phẩm giá trị gia tăng từ cá tra Việt Nam thông qua đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ làm nền tảng phát triển bền vững

Sản phẩm cá tra Việt Nam chế biến dưới dạng fillet thương phẩm chỉ chiếm 30% cá tra nguyên liệu, phần còn lại 70% trở thành phế phẩm. Vì thế, khi gặp những bất lợi trước những rào cản từ các nước nhập khẩu lập tức người nuôi cá tra ngưng hoạt động. Kinh nghiệm giải quyết của Công ty Cổ phần Thủy sản Bình An về đa dạng hóa sản phẩm giá trị gia tăng từ cá tra Việt Nam là đường đi đúng đắn trong định hướng phát triển bền vững. Bên cạnh sản phẩm fillet cần giải quyết tốt những phụ phẩm như da,

xương, vi, mỡ, gan,... Nguồn phụ phẩm này được tiếp tục chế biến thành các sản phẩm giá trị gia tăng như collagen, gelatin, bột cá, súp cá, hương liệu, Omega 3,... Tất cả những sản phẩm này được nhiều người tiêu dùng trên thế giới ưa chuộng và đem lại giá trị kinh tế cao. Sự ra đời của Viện nghiên cứu Thủy sản Bình An là mô hình tốt để đẩy mạnh phát triển bền vững đối với cá tra Việt Nam thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học (Nguồn: <http://www.bianfishco.com>).

Ngoài ra, sự hợp tác về nghiên cứu khoa học công nghệ giữa các trường đại học với các doanh nghiệp cũng là hướng đi cần tiếp tục được đẩy mạnh. Từ cuối năm 2009, Đại học Cần Thơ đã tiến hành ở ba điểm thí nghiệm thuộc các tỉnh Đồng Tháp, An Giang và Bến Tre bước đầu thử nghiệm tiêm vacxin phòng bệnh gan thận mù trên cá tra nuôi. Qua đó giúp ngăn ngừa dịch bệnh, giảm tổn thất cho người nuôi, loại trừ sử dụng các loại kháng sinh trong nuôi cá và ngăn chặn nguy cơ ảnh hưởng xấu đến môi trường (Theo Kjersti Gravningen, Trưởng đại diện công ty PHARMAQ tại Việt Nam, <http://vietfish.org>).

Nhìn chung, hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ đối với ngành nuôi cá tra Việt Nam cần tập trung vào các lĩnh vực như sau:

- Nâng cao chất lượng con giống, tăng tỷ lệ sống trong quá trình ương từ cá bột.
- Nghiên cứu, áp dụng các biện pháp phòng trị bệnh hữu hiệu.
- Nghiên cứu về thức ăn chất lượng cao, không ô nhiễm môi trường giúp cá tra tăng trọng nhanh, tăng lợi nhuận cho người nuôi và sử dụng tối đa nguồn nguyên liệu sẵn có tại Việt Nam.
- Cải tiến qui trình kỹ thuật tương ứng với các tiêu chuẩn của các nước nhập khẩu theo phương châm “Chất lượng tăng, giá thành hạ” và “Sản phẩm thân thiện với môi trường”.
- Nghiên cứu đề xuất, áp dụng các qui trình công nghệ mới; chế biến các sản phẩm

giá trị gia tăng; nâng cao giá trị các phụ phẩm thu hồi trong nhà máy chế biến.

•

Đa dạng hóa sản phẩm giá trị gia tăng từ cá tra Việt Nam thông qua đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ sẽ mở ra nhiều cơ hội và giúp cho người nuôi mạnh dạn đầu tư lâu dài đối với mặt hàng chiến lược quốc gia. Kết quả trên góp phần hiện thực hóa mô hình nuôi cá tra từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, nâng cao chất lượng và hiệu quả mà Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã đề ra.

4. Kết luận

Dựa vào Chiến lược Phát triển ngành Thủy sản Việt Nam đến năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành và chỉ tiêu phần đầu trong năm 2011 của VASEP; ngành nuôi cá tra đã và đang khẳng định hướng đi đúng đắn về sự phát triển mô hình nông thôn mới. Phát triển ngành nuôi cá tra góp phần khẳng định lợi thế cạnh tranh của Việt Nam trong thương mại quốc tế. Những bài học kinh nghiệm từ sự kiện cá tra Việt Nam đã hình thành phương thức tư duy và hành động mới của chúng ta trước những yêu cầu khắc khe của người tiêu dùng cũng như đáp ứng với sự cạnh tranh đa dạng của từng thị trường mục tiêu. Với kinh nghiệm sau 04 năm hội nhập càng tạo ra sự tự tin cho người nuôi trồng, các doanh nghiệp, các cơ quan hữu trách trong quá trình tạo và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trong hội nhập quốc tế. Vượt qua những gian nan này sẽ minh chứng sự thành công trong đổi mới mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh công nghiệp hóa; phát triển nhanh và bền vững đã được đề ra trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 – 2020 và phương hướng, nhiệm vụ đất nước 5 năm 2011 – 2015.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 – 2020 và phương hướng, nhiệm vụ đất nước 5 năm 2011 – 2015.
2. Chiến lược Phát triển ngành Thủy sản Việt Nam đến năm 2020.
3. Báo cáo tổng kết thực hiện kế hoạch năm 2010, 05 năm 2006-2010 và triển khai kế hoạch năm 2011, 05 năm 2011-2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.
4. Lê Quốc Hội - Đặng Trần Thường, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Tổng quan kinh tế thế giới 2010 và triển vọng 2011, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
5. Nguyễn Thanh Hoa, Triển vọng ngành thủy sản, Kinh tế Saigon số 5-2011 (1.050) ngày 27/01/2011.
6. Nguyễn Thị Minh Lý, QUACERT, <http://www.vietgap.vn>
7. <http://www.quacert.gov.vn>
<http://www.vietfish.org>
<http://phapluatvn.vn>
<http://www.baomoi.com>
<http://laodong.com.vn>
<http://congan.com.vn>
<http://www.dantri.com.vn>
<http://www.bianfishco.com>
<http://www.chebien.gov.vn...>